TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2021/HS-ST
Ngày: 05-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ninh
2. Bà Nguyễn Thị Thiều

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2021/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Võ Thị Thanh T, sinh năm 1980, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn B và bà Tô Thị R; Chồng Phan Văn H; Có 04 người con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/6/2021,bị tạm giam từ ngày 12/6/2021 đến ngày 03/9/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, đến ngày 12-10-2021 bị bắt tạm giam cho đến nay. (có mặt).

2. Nguyễn Thị Ngọc G (T1), sinh năm: 1999, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp P, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M; Chồng Nguyễn Linh D; Con 01 người sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/6/2021, đến ngày 12/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (vắng mặt).

3. Phan Văn P, sinh năm: 1974, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn D và bà Đỗ Thị V; Vợ

Nguyễn Thị Đ (chết); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 11/6/2021 đến ngày 20/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 12-10-2021 bị bắt tạm giam cho đến nay. (có mặt).

4. Lê Thanh L, sinh năm 1998, tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp B1, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh L (chết) và bà Trần Mộng H; Vợ con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/6/2021, đến ngày 12/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 12-10-2021 bị bắt tạm giam cho đến nay.(có mặt).

5. Nguyễn Thị Tuyết M (K), sinh năm: 1996, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh B và bà Huỳnh Băng C; Chồng (đã ly hôn) Phạm Văn H, con 01 người sinh năm 2016. Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định số 172 ngày 05/3/2020 của Công an xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Quyết định số 52 ngày 06/5/2021 của Công an xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo tại ngoại.(có mặt).

6. Phạm Thị H, sinh năm 1961, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp M, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Minh T (chết) và bà Nguyễn Thị V (chết); Chồng Trương Văn B; Có 03 người con lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 16-02-2021 bị Công an xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/6/2021 đến ngày 20/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 12-10-2021 bị bắt tạm giam cho đến nay.(có mặt).

7. Nguyễn Thị Thùy Tr (L), sinh năm 1974, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (chết) và bà Võ Thị T; Chồng Lê Văn N; có 02 người con lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày14/6/2021 đến ngày 20/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn B, sinh năm: 1961. Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 09-6-2021, bị cáo Võ Thị Thanh T chuẩn bị sẵn bài tây, mền vải và số tiền 1.020.000 đồng, điện thoại rủ các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G, Lê Thanh L, Phan Văn P và Nguyễn Thị Tuyết M đến nhà bị cáo T thuộc ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh đánh bạc để bị cáo T lấy tiền xâu thì tất cả đồng ý.

Các bị cáo L mang theo 2.160.000 đồng, G mang theo 10.240.000 đồng, P mang theo 3.530.000 đồng, M mang theo 3.000.000 đồng đến nhà bị cáo T đánh bạc với nhau dưới hình thức bài cào 03 lá được thắng thua bằng tiền, thỏa thuận mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng, mỗi người làm cái 02 ván, nếu thắng sẽ đưa tiền xâu cho bị cáo T từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo H mang theo 1.400.000 đồng, bị cáo Tr mang theo 950.000 đồng cũng đến tham gia đánh bạc. Bị cáo P thua hết tiền, về nhà lấy 1.000.000 quay lại tiếp tục chơi đánh bạc và bị thua hết. Sau đó, bị cáo P vay của bị cáo T 300.000 đồng tiếp tục chơi đánh bạc. Khoảng 18 giờ cùng ngày, các bị cáo H, Tr và M nghỉ chơi đi về trước, thì T trực tiếp tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo G, P và L.

Hình thức đánh bài cào là mỗi người chơi sẽ được chia 03 lá bài. Sau đó, người chơi sẽ tiến hành lật bài, tính điểm để phân định thắng thua, bằng cách tính điểm của 3 lá bài mình đang có và so sánh với những người chơi khác. Nếu người nào nhiều điểm hơn sẽ thắng.

Đến 20 giờ 40 phút cùng ngày, trong lúc bị cáo T thắng 1.000.000 đồng và thu được tiền xâu 200.000 đồng, bị cáo L thắng 1.200.000 đồng, bị cáo G thắng 5.700.000 đồng, bị cáo P thua 4.300.000 đồng còn bị cáo M thua 2.700.000 đồng, bị cáo Tr thua 900.000 đồng và bị cáo H huề tiền bỏ về trước thì Công an xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu đến bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 18 bộ bài tây, tiền Việt Nam 10.500.000 đồng; Thu tổng số tiền 31.420.000 đồng trên người của những người dùng đánh bạc cùng một số vật chứng khác có liên quan.

Quá trình điều tra, tất cả đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Có bảng thống kê vật chứng kèm theo.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh thể hiện bị cáo L có sở hữu quyền sử dụng đất nên Cơ quan điều tra đã tiến hành kê biên; bị cáo H, Tr, M mỗi bị cáo nộp sổ tiết kiệm mệnh giá 20.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 110/CT-VKSGD ngày 27 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Võ Thị Thanh T về tội "Gá bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội "Đánh bạc" theo quy định khoản 1 Điều 321 của bộ luật Hình sự; Các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Thị Thùy Tr (L), Nguyễn Thị Tuyết M (K), Nguyễn Thị Ngọc G (T1), Phan Văn P, Lê Thanh L về tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thị Thanh T mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Gá bạc" và 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chịu từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Miễn phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo G từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn P mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo P từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh L mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo P từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M (K) mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo M (Kiều) từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo H từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr (L) mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Tr (L) từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật; Buộc các bị cáo T nộp lại số tiền 180. 000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B trình bày: Do vợ ông là bị cáo H đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Gò Dầu nên ông nộp sổ tiết kiệm để chứng minh gia đình có tài sản và ông đồng ý dùng số tiền 20.000.000 đồng mà ông đã mở sổ tiết kiệm tại ngân hàng Agribank huyện Gò Dầu để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H mong Hội đồng xét xử xem xét.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thực hiện: Khoảng 15 giờ ngày 09-6-2021, bị cáo Võ Thị Thanh T chuẩn bị sẵn bài tây, mền vải và số tiền 1.020.000 đồng, điện thoại rủ các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G, Lê Thanh L, Phan Văn P và Nguyễn Thị Tuyết M đến nhà bị cáo T thuộc ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh đánh bạc để bị cáo T lấy tiền xâu thì tất cả đồng ý.

Các bị cáo L, G, P, M đến nhà bị cáo T đánh bạc với nhau dưới hình thức bài cào 03 lá được thắng thua bằng tiền, thỏa thuận mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng, mỗi người làm cái 02 ván, nếu thắng sẽ đưa tiền xâu cho bị cáo T từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo H và bị cáo Tr cũng đến tham gia đánh bạc đến khoảng 18 giờ cùng ngày, các bị cáo H, Tr và M nghỉ chơi đi về trước, thì bị cáo T trực tiếp tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo G, P và L.

Đến 20 giờ 40 phút cùng ngày, trong lúc các bị cáo T, L G, P, đang đánh bài thắng thua bằng tiền thì Công an xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu đến bắt quả tang. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 23.600.000 đồng và lấy tiền xâu 200.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo T có đủ yếu tố cấu thành tội "Gá bạc" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 và tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Thị Thùy Tr (L), Nguyễn Thị Tuyết M (K), Nguyễn Thị Ngọc G (T1), Phan Văn P, Lê Thanh L có đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết việc đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Nên phải xử các bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng răng đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo T đứng ra tổ chức địa điểm là nhà của bị cáo T cùng với những bộ bài tây và liên lạc các bị cáo khác đến điểm đã hẹn là nhà của bị cáo T đánh bạc thắng thua bằng tiền với nhau để bị cáo T thu tiền xâu từ 10.000 đồng

đến 20.000 đồng. Ngoài việc thu tiền xâu thì bị cáo T còn tham gia đánh bạc với các bị cáo nói trên, nên trong vụ án này bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Gá bạc và đánh bạc" và mức án mà bị cáo T phải chịu cao hơn so với các bị cáo khác.

Đối với các bị cáo G, P, L, M, H và Tr khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, tuy số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo G lớn hơn so với các bị cáo khác nhưng trong lúc phạm tội bị cáo G là P nữ có thai nên cũng cần xem xét đối với bị cáo G. Do đó trong vụ án này các bị cáo G, P, L và M phải chịu mức án ngang nhau nhưng phải cao hơn bị cáo H và bị cáo Tr.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[5] Tình tiết tăng nặng: Không.

[6] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo L, P, G và M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo G phạm tội trong thời gian mang thai;

[7] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với 16 bộ bài tây, loại 52 lá, đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây, loại 52 lá, chưa qua sử dụng là vật chứng không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu sơn đỏ, biển số 70L1-71380, số khung 08052Y406312, số máy HC08E0406507, dung tích xi lanh 97 cm3, đã qua sử dụng là của bị cáo P không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho bị cáo P là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, loại Reno4, số imei 1: 869747052263818, số imei 2: 869474052263800, số sim 1: 0346417829, số sim2: 0387915373, đã qua sử dụng của bị cáo L; 01 điện thoại Oppo A5S, màu đỏ, kiểu máy CPH1912, có số imei 1: 856222045868019, số imei 2: 865222045868001, số sim 0344347068, đã qua sử dụng của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, màu hồng, có số sim 0384884592, số imeil 1: 353095100686891, số imei2: 353095100563397, đã qua sử dụng, nứt ốp lưng phía sau của bị cáo G không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho các bị cáo là có căn cứ.

Đối với số tiền Việt Nam 43.620.000 đồng trong đó của bị cáo G 20.000.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho bị cáo G, còn lại 23.620.000 đồng do các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo T nộp lại số tiền 180.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ của các bị cáo H 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00017810923 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, số tiền 20.000.000 đồng người đứng tên là ông Trương Văn B; Tr 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số Seri ÂC 8948286 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, số tiền 20.000.000 đồng người đứng tên là Nguyễn Thị Thùy Tr, M 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạnh số ÂC 8947846

của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, số tiền 20.000.000 đồng, người đứng tên là Nguyễn Thị Tuyết M để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục duy trì lệnh kê biên số 09 ngày 08-8-2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Gò Dầu đối với diện tích đất 103,6 m2, thửa số 517, tờ bản đồ số 57, loại cây lâu năm, đất tọa lạc ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị cáo Lê Thanh L đứng tên để đảm bảo thi hành án.

[8] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa thì thấy các bị cáo G, P, L, M, H và Tr có khả năng về kinh tế nên Hội đồng xét xử phạt bổ sung các bị cáo G, P, L và M mỗi bị cáo 25.000.000 đồng; mỗi bị cáo H và Tr số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thị Thanh T phạm tội "Gá bạc" và tội "Đánh bạc"; Các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Thị Thùy Tr (L), Nguyễn Thị Tuyết M (K), Nguyễn Thị Ngọc G, Lê Thanh L, Phan Văn P phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thị Thanh T 01 (một) năm tù về tội "Gá bạc" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Võ Thị Thanh T phải chấp hành là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-10-2021, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 09-6-2021 đến ngày 03-9-2021.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G (T1) 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P , huyện G, tỉnh Tây Ninh nhận được Quyết định thi hành án và Bản án. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 09-6-2021, đến ngày 12-6-2021, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cãi tạo không giam giữ. Bị cáo G (T1) bị tạm giữ là 03 ngày nên được khấu trừ 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G (T1) phải chấp hành là 11 tháng 21 ngày. Phạt bổ sung bị cáo G (T1) 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh nhận được Quyết định thi hành án và Bản án. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-6-2021 đến ngày 20-6-2021 và ngày 12-10-2021

cho đến ngày 05-11-2021, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cãi tạo không giam giữ. Bị cáo P bị tạm giữ, tạm giam là 34 ngày nên được khấu trừ 102 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo Phan Văn P phải chấp hành là 08 tháng 18 ngày. Phạt bổ sung bị cáo P từ 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh nhận được Quyết định thi hành án và Bản án. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-6-2021 đến ngày 12-6-2021 và ngày 12-10-2021 cho đến ngày 05-11-2021, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cãi tạo không giam giữ. Bị cáo L bị tạm giữ, tạm giam là 28 ngày nên được khấu trừ 84 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo Lê Thanh L phải chấp hành là 09 tháng 06 ngày. Phạt bổ sung bị cáo L 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M (K) 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo M (K) từ 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh nhận được Quyết định thi hành án và Bản án. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-6-2021 đến ngày 20-6-2021 và ngày 12-10-2021 cho đến ngày 05-11-2021, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cãi tạo không giam giữ. Bị cáo H bị tạm giữ, tạm giam là 31 ngày nên được khấu trừ 93 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo Phạm Thị H phải chấp hành là 05 tháng 27 ngày. Phạt bổ sung bị cáo H 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự ;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr (L) 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B , huyện G, tỉnh Tây Ninh nhận được Quyết định thi hành án và Bản án. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày14-6-2021 đến ngày 20-6-2021, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cãi tạo không giam giữ. Bị cáo Tr (L) bị tạm giữ là 06 ngày nên được khấu trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr (Liễm) phải chấp hành là 08 tháng 12 ngày. Phạt bổ sung bị cáo Tr (L) 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Tuyên trả tự do các bị cáo H, L và P tại phiên tòa.

Giao các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Thị Thùy Tr (L), Lê Thanh L, Phan Văn P cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục; các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M (K), Nguyễn Thị Ngọc G (T1) cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục.

Trường hợp các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Thị Thùy Tr (L), Lê Thanh L, Phan Văn P, Nguyễn Thị Tuyết M (K), Nguyễn Thị Ngọc G (T1) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Thị Thùy Tr (L), Lê Thanh L, Phan Văn P, Nguyễn Thị Tuyết M (K), Nguyễn Thị Ngọc G (T1).

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 16 bộ bài tây, loại 52 lá, đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây, loại 52 lá, chưa qua sử dụng;

Tuyên trả cho các bị cáo:

P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu sơn đỏ, biển số 70L1-71380, số khung 08052Y406312, số máy HC08E0406507, dung tích xi lanh 97 cm3, đã qua sử dụng;

L 01 điện thoại di động hiệu Oppo, mau đen, loại Reno4, số imei 1: 869747052263818, số imei 2: 869474052263800, số sim 1: 0346417829, số sim2: 0387915373, đã qua sử dụng;

T 01 điện thoại Oppo A5S, mau đỏ, kiểu máy CPH1912, có số imei 1: 856222045868019, số imei 2: 865222045868001, số sim 0344347068, đã qua sử dụng;

G 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, màu hồng, có số sim 0384884592, số imeil 1: 353095100686891, số imei2: 353095100563397, đã qua sử dụng, nứt ốp lưng phía sau và 20.000.000 đồng. Để đảm bảo thi hành án nên tiếp tục tạm giữ của bị cáo G 20.000.000 đồng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 23.620.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận ngày 29-9-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu).

Buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 180.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ của các bị cáo H 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00017810923 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, số tiền 20.000.000 đồng người đứng tên là ông Trương Văn B; Tr 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số Seri AAC 8948286 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, số tiền 20.000.000 đồng người đứng tên là Nguyễn Thị Thùy Tr, M 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạnh số AAC 8947846 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, số tiền 20.000.000 đồng, người đứng tên là Nguyễn Thị Tuyết M để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục duy trì lệnh kê biên số 09 ngày 08-8-2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Gò Dầu đối với diện tích đất 103,6 m2, thửa số 517, tờ bản đồ số 57, loại cây lâu năm, đất tọa lạc ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị cáo Lê Thanh L đứng tên để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Mỗi bị cáo Võ Thị Thanh T, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Thùy Tr (L), Nguyễn Thị Tuyết M (K), Nguyễn Thị Ngọc G (T1), Lê Thanh L, Phan Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng các bị cáo vắng mặt tại phiên tòa và ông B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở tư pháp tỉnh nơi BC ĐKNKTT;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.